

# CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG TRUNG LINH

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG TRUNG LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV SX TM VÀ XD TRUNG LINH

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801158234

**3. Ngày thành lập:** 18/10/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 10, Ấp 3, Thị Trấn Chơn Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0913.633.890

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4290        |
| 2.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3811        |
| 3.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4220        |
| 4.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4752        |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5610        |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4100        |
| 7.  | Khai thác gỗ<br>Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0221        |
| 8.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3812        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4210        |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4662        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1629        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4690        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Tuy nhiên những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị. | 4669(Chính) |

|     |                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                          | 2012 |
| 15. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                     | 4761 |
| 16. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                     | 2395 |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                     | 7320 |
| 18. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                 | 1030 |
| 19. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                      | 5630 |
| 20. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                    | 5510 |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                          | 4651 |
| 22. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                               | 4330 |
| 23. | Quảng cáo                                                                                                                                                    | 7310 |
| 24. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                 | 4661 |
| 25. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                              | 0810 |
| 26. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                      | 4663 |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng.                                                                                                             | 4312 |
| 28. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu nông sản. Bán buôn các loại cây giống, cây cảnh. | 4620 |
| 29. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                               | 4933 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác.                                         | 8299 |
| 31. | Trồng cây cao su                                                                                                                                             | 0125 |
| 32. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>(gỗ cao su, gỗ rừng trồng)                                                                                                 | 1610 |
| 33. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                          | 4511 |
| 34. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                          | 4390 |
| 35. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                        | 8130 |
| 36. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                           | 2394 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

Họ và tên: NGUYỄN VĂN

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 272523148

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp 6, Xã Tà Lại, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ấp 6, Xã Tà Lại, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 30/04/1995      Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 272523148

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp 6, Xã Tà Lại, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ấp 6, Xã Tà Lài, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước